TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 82/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 16 - 4 – 2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Đỗ Sơn Hùng, ông Huỳnh Văn Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** ông Huỳnh Thanh Châu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang tham gia phiên tòa: bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 392/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2026/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1987, căn cước công dân 139187000004; nơi cư trú: tổ 20, khóm MP, phường VT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

- *Bị đơn:* ông Lê Văn T, sinh năm 1987, chứng minh nhân dân 351927580; nơi cư trú: tổ 20, khóm MP, phường VT, tỉnh An Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/10/2025 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông T do quen biết, tìm hiểu nên tự nguyện về chung sống vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 29/12/2007. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về mọi mặt, ông T thường xuyên rượu chè

không quan tâm đến vợ con, vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

- Về con chung: có 04 (bốn) con chung tên Lê Văn P, sinh ngày 24/11/2007; Lê Văn V, sinh ngày 05/7/2010; Lê Văn Đ, sinh ngày 16/3/2013 và Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 23/01/2018. Khi ly hôn bà L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên: Lê Văn V, Lê Văn Đ và Lê Thị Ngọc N, không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con. Đối với con chung tên Lê Văn P hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/3/2026 bị đơn ông Lê Văn T trình bày:

Thống nhất theo trình bày của bà L về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Vợ chồng không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn với bà L. Con chung tên Lê Văn V, Lê Văn Đ và Lê Thị Ngọc N thống nhất giao cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng cho con. Đối với con chung tên Lê Văn P hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – An Giang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông T.

- Về con chung: đề nghị giao con chung tên Lê Văn V, Lê Văn Đ và Lê Thị Ngọc N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Lê Văn P hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không đề nghị xem xét.

- Về cấp dưỡng: bà L không yêu cầu nên không đề nghị xem xét

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí dân sự: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại phường VT, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 13 – An Giang thụ lý giải quyết là đúng với quy định pháp luật.

[1.2] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông T xác lập hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Vĩnh Châu, thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang (nay là phường VT, tỉnh An Giang) theo giấy chứng nhận kết hôn số 78 ngày 29/12/2007. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 9 và Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và phải có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, ông bà đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình nên làm cho hôn nhân lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng không thành, bà L và ông T thống nhất ly hôn. Căn cứ Điều 51 và Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân dân tối cao, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà L là có cơ sở nên chấp nhận.

[2.2] Về con chung: xét thấy, bà L và ông T thống nhất khi ly hôn tất cả con chung chưa thành niên do bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Hơn nữa, con chung cũng có nguyện vọng được sống với bà L. Do đó, để ổn định về tâm lý, môi trường sống, điều kiện học tập, nơi ở, đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung cũng như tôn trọng sự thống nhất của các đương sự và nguyện vọng của con chung, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Lê Văn V, Lê Văn Đ và Lê Thị Ngọc N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với con chung tên Lê Văn P hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về cấp dưỡng: ông T không phải cấp dưỡng cho con chung do bà L không yêu cầu.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự: bà L phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 4 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân dân tối cao;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị L được ly hôn với ông Lê Văn T.

- Về con chung: bà Nguyễn Thị L được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 (ba) con chung tên Lê Văn V, sinh ngày 05/7/2010; Lê Văn Đ, sinh ngày 16/3/2013 và Lê Thị Ngọc N, sinh ngày 23/01/20218. Đối với con chung tên Lê Văn P hiện đã thành niên và có khả năng lao động nên không giải quyết. Ông Lê Văn T không phải cấp dưỡng cho con chung.

+ Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

+ Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích của con hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: không giải quyết.

- Về án phí dân sự: bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ

(ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007462 ngày 04 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

- Về quyền kháng cáo: đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND KV13 – An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND phường VT;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Quang